GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI TP. HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA XII
KHOA ĐẠI CƯƠNG
THI CUỐI HỌC KỲ 3
MÔN: SINH NGỮ ANH 3
Giảng viên: SC.TS. THÍCH NỮ TÂM THẢO
MSSV: 12244 đến 12635.
Phòng thi: 102 (Tầng 1).

STT	MSV	HỌ TÊN		PHÁP DANH	GHI CHÚ
1	12244	Mai Thị Xuân	An	TN. Nhuận An	
2	12355	Trần Thị	Hưng	TN. Diệu Thịnh	
3	12432	Trần Thị Ngọc	Mỵ	TN. Diệu An	
4	12435	Lê Thị Mỹ	Nga	TN. Trung Quang	
5	12445	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TN. Hạnh Quý	
6	12447	Đỗ Thị	Ngọc	TN. Nhuận Chân	
7	12451	Phạm Thảo	Nguyên	TN. Thiên Ý	
8	12453	Phạm Thị Tú	Nguyệt	TN. Như Nguyện	
9	12456	Phùng Thị	Nhãn	TN. Trung Tỉnh	
10	12460	Nguyễn Thị Yến	Nhi	TN. Huệ Tâm	
11	12461	Nguyễn Thị Ngọc	Nhiều	TN. Tâm Thi	
12	12462	Trần Thị Hoài	Nhơn	TN. Như Nghĩa	
13	12466	Nguyễn Thị	Nhung	TN. Tuệ Nhơn	
14	12468	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TN. Cát Tường Hải	
15	12486	Nguyễn Thị Minh	Phương	TN. Chơn Ngọc	
16	12489	Trương Thúy	Phượng	TN. Nhẫn Hòa	
17	12496	Nguyễn Thị Bích	Quyên	TN. Như Tuyết	
18	12501	Nguyễn Thị	Sáng	TN. Thiên Định	
19	12506	Lê Thị Bảo	Tâm	TN. Thiên An	
20	12512	Phạm Thị	Thắm	TN. Thanh Hân	
21	12518	Lê Thị Kim	Thanh	TN. Diệu Thắng	
22	12520	Phạm Thị	Thành	TN. Đức Nghị	
23	12524	Nguyễn Lê Phương	Thảo	TN. Quang Trí	
24	12529	Trần Thị	Thảo	TN. Thuận Liên	

25	12531	Phan Thị Lệ	Thi	TN. Nhuận Trinh	
26	12538	Nguyễn Thị Bạch	Thu	TN. Quảng An	
27	12544	Lê Thị	Thu	TN. Hiền Tâm	
28	12551	Trần Thị Hoài	Thương	TN. Minh Huệ	
29	12552	Trần Thị Thương	Thương	TN. Đồng Hiếu	
30	12553	Nguyễn Thị Mộng	Thường	TN. Huệ Quang	
31	12558	Trần Thị	Thúy	TN. Nhật Thanh	
32	12560	Nguyễn Thị Kim	Thùy	TN. Tâm Hiếu	
33	12562	Trần Thị Thu	Thủy	TN. Quang Tuệ	
34	12565	Đoàn Thị	Thủy	TN. Liên Thân	
35	12573	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	TN. Đức Tín	
36	12578	Nguyễn Thị Hoàng	Trâm	TN. Nhuận Trí	
37	12580	Phạm Thị Mỹ	Trang	TN. Nguyên Trí	
38	12581	Trương Thị Tuyết	Trang	TN. Thiên Bảo	
39	12582	Nguyễn Thị Thảo	Trang	TN. Diệu Hiếu	
40	12583	Võ Thị Thu	Trang	TN. Hoàn Thùy	
41	12593	Nguyễn Thị Phúc	Trinh	TN. Diệu Chiếu	
42	12596	Đặng Thị Thanh	Truyền	TN. Trung Tâm	
43	12598	Nguyễn Thị Kim	Tùng	TN. Liên Trang	
44	12600	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	TN. Diệu Khánh	
45	12602	Trần Thị	Tưởng	TN. Thông Niệm	
46	12605	Nguyễn Thị	Tuyến	TN. Hạnh Giác	
47	12611	Nguyễn Thị	Tuyền	TN. Khánh An	
48	12622	Trần Thị Cẩm	Vân	TN. Định Tâm Hương	
49	12623	Trần Thị Hồng	Vân	TN. Hiền Lan	
50	12625	Lê Thị Cẩm	Vàng	TN. Diệu Ngọc	
51	12628	Trần Thị	Vương	TN. Diệu Châu	
52	12631	Nguyễn Thanh	Xuân	TN. Thiên Hân	
53	12635	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	TN. Thông Quang	

VĂN PHÒNG HỌC VIỆN